

Bản án số: 14/2022/DS- ST
Ngày 12/4/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hết
Bà Đoàn Lệ Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày nam tham gia Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 42B/QĐST-DS Ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Nguyễn Văn K, sinh 1967; *Trú tại:* Ấp Phú Lộc T, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Người đại diện: Chị Trần Trúc P, sinh 1987; *Trú tại* ấp Tân Long 2, xã Tân Th, huyện Mỏ Cày B, tỉnh Bến Tre). Có mặt.

* **Bị đơn:** Nguyễn Văn N, sinh 1954; *trú tại:* Ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chị Trần Trúc P trình bày:

+ Vào ngày 07/3/2021 ông K có cho bà Phan Thị Kim Hương số tiền vay số 39.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, đến ngày 13/3/2021 ông K có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 15.000.000 đồng và ông N nhận bảo lãnh số tiền 39.000.000 đồng mà bà Hương vay, nên ông N có nghĩa vụ tổng cộng 54.000.000 đồng. Việc vay không có thỏa thuận lãi suất.

+ Ngày 19/3/2021 ông K có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1.5%/tháng.

+ Ngày 22/3/2021 ông K có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 04/5/2021 trả vốn, lãi suất 1.5%/tháng

+ Ngày 25/4/2021 ông K có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1.5%/tháng.

+ Ngày 05/5/2021 ông K có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 06/5/2021 trả vốn, lãi suất 1.5%/tháng.

Tổng cộng số tiền ông N vay của ông K và bảo lãnh cho bà Hương là 1.184.000.000 đồng, đến nay đã quá thời gian trả vốn, lãi nhưng ông N không trả.

Nay yêu cầu ông N trả cho ông K số tiền vốn gốc 1.145.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ 05/5/2021 đến khi Tòa án xét xử, cụ thể đến ngày 05/4/2022, mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 104.538.500 đồng, tổng cộng 1.249.538.500. Phần tiền vay còn lại 39.000.000 đồng theo biên nhận vay tiền ngày 07/3/2021 được ký kết giữa ông K với bà Hương xin rút lại yêu cầu.

Ông N vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả vốn gốc, lãi suất tổng cộng 1.249.538.500 đồng. Phần tiền vay còn lại 39.000.000 đồng theo biên nhận vay tiền ngày 07/3/2021 được ký kết giữa ông K với bà Hương, do nguyên đơn xin rút lại yêu cầu nên đề nghị đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: bà ông K cho rằng quyền lợi của ông bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa ông với ông N, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông K có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của ông K là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì

loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Chứng cứ nguyên đơn khởi kiện là:

[1.1] Hợp đồng vay tiền được các bên ông K, ông N ký kết xác lập vào ngày 22/3/2021, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng, thời hạn vay 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng và hợp đồng này được công chứng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Quá trình giải quyết phía bị đơn không có ý kiến gì về việc đã thanh lý xong hợp đồng nêu trên, nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là phù hợp.

[1.2] + Hợp đồng cho vay cá nhân được các bên ông K, ông N ký kết xác lập vào ngày 19/3/2021, số tiền vay 230.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 30 ngày.

+ Giấy mượn tiền được các bên ông K, ông N ký kết xác lập vào ngày 25/4/2021, số tiền vay 200.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận lãi suất.

+ Giấy mượn tiền được các bên ông K, ông N ký kết xác lập vào ngày 05/5/2021, số tiền vay 200.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 01 tháng.

+ Giấy mượn tiền được các bên ông K, ông N ký kết xác lập vào ngày 13/3/2021, số tiền vay 150.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận lãi suất.

Và các hợp đồng này không được công chứng, chứng thực tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên tại bản kết luận giám định số 04 ngày 17/01/2022 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận “chữ ký và chữ viết họ và tên N” trong hợp đồng cho vay cá nhân và các giấy mượn tiền nêu trên so với chữ ký và chữ viết họ và tên Nguyễn Văn N của hợp đồng được xác lập ngày 22/3/2021 là do một người ký ra. Nên có căn cứ xác định hợp đồng cho vay cá nhân ngày 19/3/2021, giấy mượn tiền ngày 25/4/2021, giấy mượn tiền ngày 05/5/2021, giấy mượn tiền ngày 12/3/2021 là có thật. Quá trình giải quyết phía bị đơn không có ý kiến gì về việc đã trả xong số tiền nêu trên, nên buộc bị đơn trả là phù hợp.

[2] Đối với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Đối với số tiền vay 39.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/3/2021 đại diện nguyên đơn xin rút lại yêu cầu nên cần phải đình chỉ.

[4] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền phải trả.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. Buộc ông Nguyễn Văn N trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền vốn gốc 1.145.000.000 đồng và tiền lãi suất 104.538.500 đồng, tổng cộng 1.249.538.500 (một tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi tám ngàn năm trăm) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 39.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/3/2021 mà bà Phan Thị Kim Hương ký vay tiền của ông K.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông K, nếu ông N chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu 48.870.000 đồng. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.092.000 đồng theo biên lai thu số 0001516 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

